



VINA VALVES JOINT STOCK COMPANY

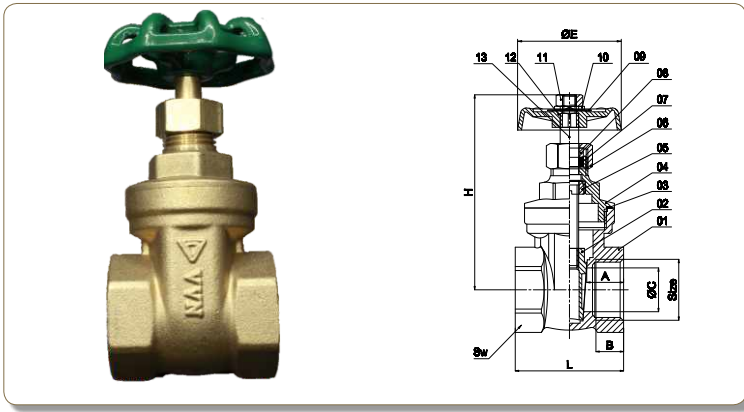
VINA VALVES

WATER SUPPLY BRASS VALVES

VIETNAM BRASS VALVES
OEM/ODEM LEADER



VAN CỬA ĐỒNG VVN - BRASS GATE VALVE, VVN BRAND



THÔNG SỐ KỸ THUẬT

DIMENSION

Cỡ van Valve size	inch mm	1/2 15	3/4 20	1 25	1.1/4 32	1.1/2 40	2 50
A (mm)	15	44.2	19.1	21.4	22.7	26.1	
B (mm)	10	11.5	13	14	14	19	
ØC (mm)	15	10.5	24	32	36	46	
ØE (mm)	54	72.5	60	72	72	77	
L (mm)	43	35	54	59	63	73	
H (mm)	75	20	94.5	110	121	150	
Sw (mm)	27.5	123	39	49	55	68	
T.lượng - Weight (g)	282	15	530	827	962	1495	
Cái/hộp - Pcs/ box	10	10	6	5	4	2	

ĐẶC ĐIỂM KỸ THUẬT | SPECIFICATION

Van cửa ty chìm, nêm đặc, nổi ren.
Non rising stem, Solid wedge, Screwed ends.

Van chuyên dùng cho nước sạch.
Used for Water.

Tay van màu xanh lá cây
Green colour handwheel

Đường ren tiêu chuẩn BS 21 / ISO 228-1-2000
BS 21 / ISO 228-1-2000 Threads standard .

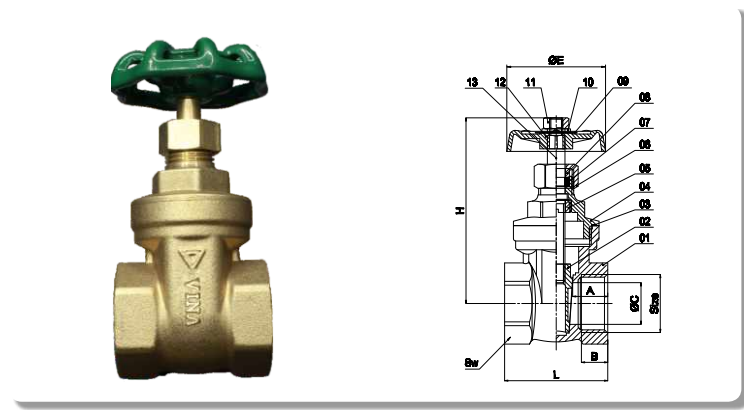
Áp lực làm việc Max. 16 Bar ~ 16 Kg/cm²
Max. working pressure: 16 Bar

Nhiệt độ làm việc Max. 120°C
Max. working temperature: 120oC

CHẤT LIỆU | MATERIAL

No	BỘ PHẬN PARTS	CHẤT LIỆU MATERIAL
1	Thân van - Body	Đồng - Brass
2	Đĩa van - Disc	Đồng - Brass
3	Gioăng thân - Gland packing	Tefon - PTFE
4	Nắp van - Bonnet	Đồng - Brass
5	Ốc đệm - Gland nut	Đồng - Brass
6	Ốc áp lực - Lock nut	Đồng - Brass
7	Gioăng trục - O-Ring	Tefon - PTFE
8	Đệm trục - Glan Ring	Đồng - Brass
9	Đệm nhãn hiệu-Name plate	Nhôm - Aluminium
10	Đệm vênh-Spring washers	Sus 304 - Stainless steel
11	Đai ốc - Wheel nut	Sus 304 - Stainless steel
12	Tay van - Hand wheel	Gang - Cast iron
13	Trục van - Stem	Đồng - Brass

VAN CỬA ĐỒNG VINA - BRASS GATE VALVE, VINA BRAND



THÔNG SỐ KỸ THUẬT

DIMENSION

Cỡ van Valve size	inch mm	1/2 15	3/4 20	1 25	1.1/4 32	1.1/2 40	2 50
A (mm)	13	13	15	17	18.5	19	
B (mm)	9.5	9.5	10	12	12.5	13	
ØC (mm)	14	18.5	22	30	34	44	
ØE (mm)	54	54	60	72	72	77	
H (mm)	67	75	86	102	114	129	
SW (mm)	24.5	30	37	46.5	52.5	64.5	
L (mm)	38	40	44.5	51	56	58	
T.lượng-Weight (g)	202	255	350	568	705	972	
Cái/ hộp - Pcs/ box	10	10	6	5	4	2	

ĐẶC ĐIỂM KỸ THUẬT | SPECIFICATION

Van cửa ty chìm, nêm đặc, nổi ren.
Non rising stem, Solid wedge, Screwed ends.

Van chuyên dùng cho nước sạch.
Used for Water.

Tay van màu xanh lá cây
Green colour handwheel

Đường ren tiêu chuẩn BS 21 / ISO 228-1-2000
BS 21 / ISO 228-1-2000 Threads standard .

Áp lực làm việc Max. 10 Bar ~ 10 Kg/cm²
Max. working pressure. 10 Bar

Nhiệt độ làm việc Max. 120°C
Max. working temperature: 120°C

CHẤT LIỆU | MATERIAL

No	BỘ PHẬN PARTS	CHẤT LIỆU MATERIAL
1	Thân van - Body	Đồng - Brass
2	Đĩa - Disc	Đồng - Brass
3	Gioăng thân - Gland packing	Tefon - PTFE
4	Nắp van - Bonnet	Đồng - Brass
5	Ốc đệm - Gland nut	Đồng - Brass
6	Ốc áp lực - Lock nut	Đồng - Brass
7	Gioăng trục - O-Ring	Tefon - PTFE
8	Vòng đệm-Glan Ring	Đồng - Brass
9	Đệm nhãn hiệu-Name plate	Nhôm - Aluminium
10	Đệm vênh-Spring washers	SuS 201 - Stainless steel
11	Đai ốc - Wheel nut	SuS 201 - Stainless steel
12	Tay van - Hand wheel	Gang - Cast iron
13	Trục van - Stem	Đồng - Brass



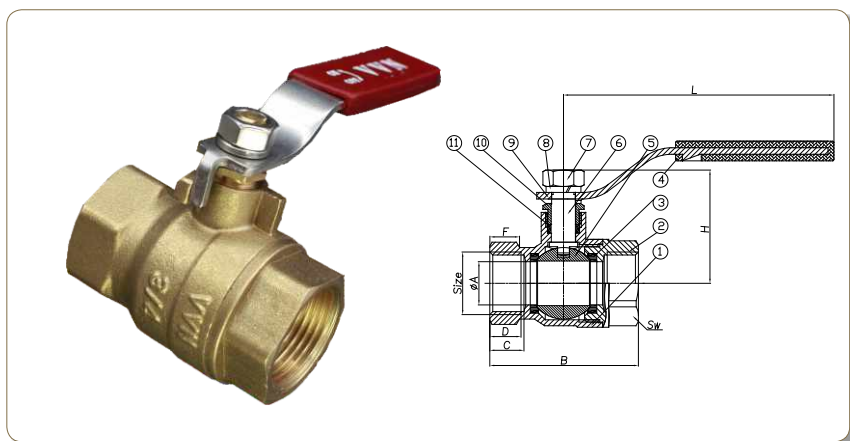
VINA VALVES

VVN VINA VALVES JOINT STOCK COMPANY

Address: Tân Quang Industrial Zone, Van Lam Dist, Hung Yen Province, Vietnam

Tel : +84 221 3791068 | Web: vanvina.vn | Email: contact@vanvina.vn

VAN BI ĐỒNG VVN - BRASS BALL VALVE, VVN BRAND



THÔNG SỐ KỸ THUẬT | DIMENSION

Cỡ van Valve size	inch	1/4	3/8	1/2	3/4	1	1.1/4	1.1/2	2
	mm	8	10	15	20	25	32	40	50
A (mm)				15	44.2	19.1	21.4	22.7	26.1
B (mm)				10	11.5	13	14	14	19
ØC (mm)				15	10.5	24	32	36	46
ØE (mm)				54	72.5	60	72	72	77
L (mm)				43	35	54	59	63	73
H (mm)				75	20	94.5	110	121	150
Sw (mm)				27.5	123	39	49	55	68
T.lượng - Weight (g)				282	15	530	827	962	1495
Cái/hộp - Pcs/ box				10	10	6			2

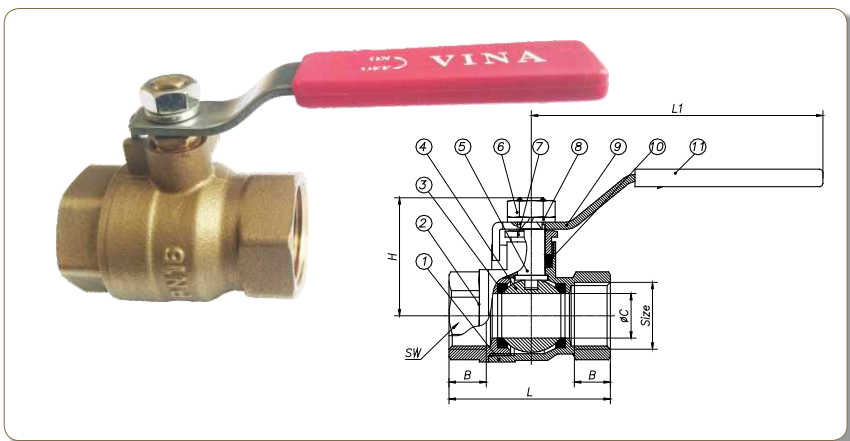
ĐẶC ĐIỂM KỸ THUẬT | SPECIFICATION

Van bi đồng, lỗ to, nổi ren.
Brass ball valve, full bore, Screwed ends.
Van chuyên dùng cho nước sạch, xăng dầu.
Used for Water, Petroleum.
Tay van màu đỏ - Red colour lever handle
Đường ren tiêu chuẩn BS 21 / ISO 228-1-2000
BS 21 / ISO 228-1-2000 Threads standard .
Áp lực làm việc Max: 15 - 20mm : 30 Bar.
Max. working pressure: 15 - 20mm : 30 Bar.
Nhiệt độ làm việc Max. 120°C
Max. working temperature: 120oC

CHẤT LIỆU | MATERIAL

No	BỘ PHẬN PARTS	CHẤT LIỆU MATERIAL
1	Thân van - Body	Đồng - Brass
2	Nắp van - Bonnet	Đồng - Brass
3	Gioăng bi - Seats	Tefon - PTFE
4	Vỏ tay - Handle cover	Nhựa nguyên sinh
5	Bi - Ball	Đồng - Brass
6	Trục van - Stem	Đồng - Brass
7	Ốc tay van - Wheel nut	Sus - Stainless steel
8	Đệm vênh-Spring washers	Sus - Stainless steel
9	Tay van - Lever handle	Sus - Stainless steel
10	Ốc áp lực - Lock nut	Đồng - Brass
11	Gioăng trục - O-Ring	Tefon - PTFE

VAN BI ĐỒNG VINA- BRASS BALL VALVE, VINA BRAND



THÔNG SỐ KỸ THUẬT | DIMENSION

Cỡ van Valve size	inch	1/2	3/4	1	1.1/4	1.1/2	2
	mm	15	20	25	32	40	50
ØC (mm)		14.5	18	23	30	36	44
B (mm)		10.5	11	11.5	14	15	16
L (mm)		48.5	52.4	63	73.5	83.5	95.5
L1 (mm)		91	91	108	140	140	160
H (mm)		39	41.5	48	58	62	68
Sw (mm)		25	31	37	46	52	65
T.lượng-Weight (g)		173	204	374	640	920	1386
Cái/ hộp - Pcs/ box		12	10	6	6	4	2

ĐẶC ĐIỂM KỸ THUẬT | SPECIFICATION

Van bi đồng, lỗ to, nổi ren.
Brass ball valve, full bore, Screwed ends.
Van chuyên dùng cho nước sạch.
Used for Water.
Tay van màu đỏ
Red colour lever handle
Đường ren tiêu chuẩn BS 21 / ISO 228-1-2000
BS 21 / ISO 228-1-2000 Threads standard .
Áp lực làm việc Max. 10Bar ~ 10 Kg/cm²
Max. working pressure: 10 Bar
Nhiệt độ làm việc Max. 90°C
Max. working temperature: 90°C

CHẤT LIỆU | MATERIAL

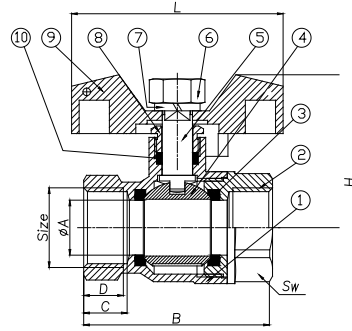
No	BỘ PHẬN PARTS	CHẤT LIỆU MATERIAL
1	Thân van - Body	Đồng - Brass
2	Nắp van - Bonnet	Đồng - Brass
3	Gioăng bi - Seats	Tefon - PTFE
4	Bi - Ball	Gang - Cast iron
5	Trục van - Stem	Đồng - Brass
6	Ốc tay van - Wheel nut	SuS Stainless steel
7	Ốc áp lực - Lock nut	Đồng - Brass
8	Đệm vênh-Spring washers	SuS - Stainless steel
9	Tay van - Lever handle	SuS - Stainless steel
10	Gioăng trục - O-Ring	Tefon - PTFE
11	Vỏ tay - Handle cover	Nhựa PVC - PVC plastic



VINA VALVES

VVN VINA VALVES JOINT STOCK COMPANY

Address: Tan Quang Industrial Zone, Van Lam Dist, Hung Yen Province, Vietnam
Tel : +84 221 3791068 | Web: vanvina.vn | Email: contact@vanvina.vn



ĐẶC ĐIỂM KỸ THUẬT | SPECIFICATION

Van bi đồng, lỗ to, nổi ren.

Brass ball valve, full bore, Screwed ends.

Van chuyên dùng cho nước sạch, xăng dầu.

Used for Water, Petroleum.

Tay van màu xanh, đỏ - Blue or Red colour butterfly handle.

Đường ren tiêu chuẩn BS 21 / ISO 228-1-2000

BS 21 / ISO 228-1-2000 Threads standard .

Áp lực làm việc Max: 30 Bar.

Max. working pressure: 30 Bar.

Nhiệt độ làm việc Max. 120°C

Max. working temperature: 120oC

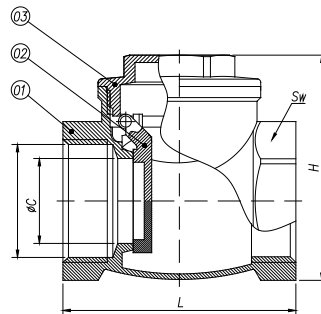
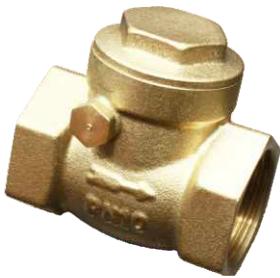
THÔNG SỐ KỸ THUẬT | DIMENSION

Cỡ van Valve size	inch	1/2	3/4
	mm	15	20
A (mm)		15	44.2
B (mm)		10	11.5
ØC (mm)		15	10.5
ØE (mm)		54	72.5
L (mm)		43	35
H (mm)		75	20
Sw (mm)		27.5	123
T.Lượng - Weight (g)		282	15

CHẤT LIỆU | MATERIAL

No	BỘ PHẬN PARTS	CHẤT LIỆU MATERIAL
1	Thân van - Body	Đồng - Brass
2	Nắp van - Bonnet	Đồng - Brass
3	Gioăng bi - Seats	Teflon - PTFE
4	Bi - Ball	Đồng - Brass
5	Trục van - Stem	Đồng - Brass
6	Ốc tay van - Wheel nut	SuS 304 - Stainless steel
7	Đệm vành - Spring washers	SuS 304 - Stainless steel
8	Ốc áp lực - Lock nut	Đồng - Brass
9	Tay van - Butterfly handle	Hợp kim kẽm - Zinc alloy
10	Gioăng trục - O-Ring	Teflon - PTFE

VAN 1 CHIỀU LÁ ĐỒNG VVN ĐĨA BẰNG ĐỒNG - BRASS SWING CHECK VALVE, WITH BRASS SEAT, VVN BRAND



ĐẶC ĐIỂM KỸ THUẬT | SPECIFICATION

Van một chiều ren đồng, lá lật.

Brass swing check valve, With Brass seat, Screwed ends.

Van chuyên dùng cho nước sạch, xăng dầu.

Used for Water

Đường ren tiêu chuẩn BS 21 / ISO 228-1-2000

BS 21 / ISO 228-1-2000 Threads standard .

Áp lực làm việc Max. 16 Bar ~ 16 Kg/cm²

Max. working pressure: 16 Bar

Nhiệt độ làm việc Max. 120°C

Max. working temperature: 120oC

THÔNG SỐ KỸ THUẬT | DIMENSION

Cỡ van Valve size	inch	1/2	3/4	1	1.1/4	1.1/2	2
	mm	15	20	25	32	40	50
B (mm)		10	11.5	12	13	16	17
ØC (mm)		14	19	23	32	37	48
L (mm)		47	51.5	63	70	84	97
Sw (mm)		25	31	38	47	54	67
T.Lượng-Weight (g)		140	200	284	450	731	1100
Cái/hộp - Pcs/box		12	12	8	6	4	2

CHẤT LIỆU | MATERIAL

No	BỘ PHẬN PARTS	CHẤT LIỆU MATERIAL
1	Thân van - Body	Đồng - Brass
2	Đĩa van - Disc	Đồng - Brass
3	Chốt - Pin	Đồng - Brass
4	Nắp van - Bonnet	Đồng - Brass
5	Vít khóa - Lock screw	Đồng - Brass

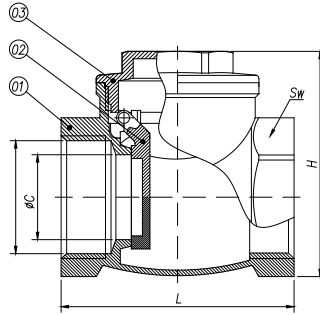


VINA VALVES

VVN VINA VALVES JOINT STOCK COMPANY

Address: Tan Quang Industrial Zone, Van Lam Dist, Hung Yen Province, Vietnam

Tel : +84 221 3791068 | Web: vanvina.vn | Email: contact@vanvina.vn

**ĐẶC ĐIỂM KỸ THUẬT****| SPECIFICATION**

Van một chiều ren đồng, lá lật.

Brass swing check valve, With Brass seat, Screwed ends.

Van chuyên dùng cho nước sạch, xăng dầu.
Used for Water

Đường ren tiêu chuẩn BS 21 / ISO 228-1-2000

BS 21 / ISO 228-1-2000 Threads standard .

Áp lực làm việc Max. 10 Bar ~ 10 Kg/cm

Max. working pressure: 10 Bar

Nhiệt độ làm việc Max. 120°C

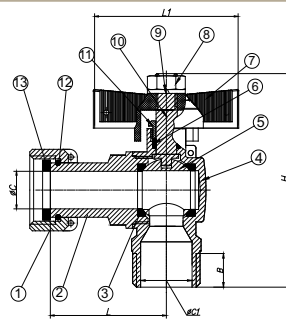
Max. working temperature: 120oC

THÔNG SỐ KỸ THUẬT | DIMENSION

Cỡ van Valve size	inch	1/2	3/4	1	1.1/4	1.1/2	2
	mm	15	20	25	32	40	50
B (mm)		8	8.5	10	11	13.5	13
ØC (mm)		13	17	23	28	34	44
L (mm)		39	45	51.5	64	69	85
Sw (mm)		24	29.5	36	46	52	64
T.lượng-Weight (g)		90	128	178	368	448	740
Cái/hộp - Pcs/box		12	10	8	6	4	2

CHẤT LIỆU | MATERIAL

No	BỘ PHẬN PARTS	CHẤT LIỆU MATERIAL
1	Thân van - Body	Đồng - Brass
2	Đĩa van - Disc	Đồng - Brass
3	Chốt - Pin	Đồng - Brass
4	Nắp van - Bonnet	Đồng - Brass
5	Vít khóa - Lock screw	Đồng - Brass

VAN GÓC ĐỒNG VVN**- BRASS ANGLE VALVE, VVN BRAND****ĐẶC ĐIỂM KỸ THUẬT****| SPECIFICATION**

Van chuyên dùng để lắp cho đồng hồ đo nước.
Valves used for water meters.

Van đóng mở bằng bi, lỗ to, nối ren.

Close and Open by ball, full bore, Screwed ends

Tay van màu xanh- Blue colour butterfly handle

Đường ren tiêu chuẩn BS 21 / ISO 228-1-2000,
BS 21 / ISO 7-1-1994

BS 21 / ISO 228-1-2000, BS 21 / ISO 7-1-1994
Threads standard .

Áp lực làm việc Max. 16 Bar ~ 16 Kg/cm²

Max. working pressure. 16 Bar

Nhiệt độ làm việc Max. 90°C

Max. working temperature: 90°C

THÔNG SỐ KỸ THUẬT | DIMENSION

Cỡ van Valve size	inch	1/2"
	mm	15
ØC (mm)		14.5
ØC1 (mm)		14
B (mm)		13
L (mm)		45
L1 (mm)		56
H (mm)		78
T.lượng-Weight (g)		242
Cái/ hộp - Pcs/ box		10

CHẤT LIỆU | MATERIAL

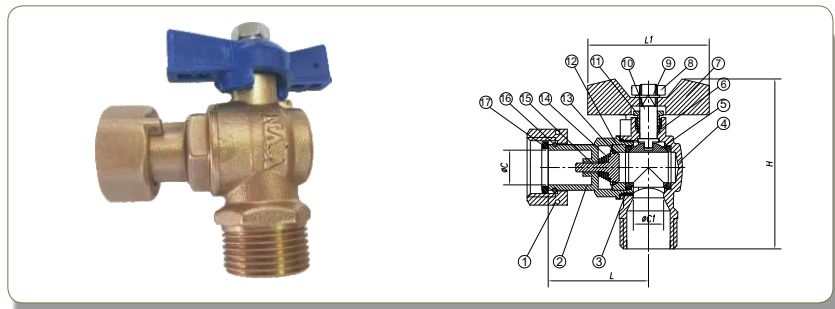
No	BỘ PHẬN PARTS	CHẤT LIỆU MATERIAL
1	Đai ốc - Wheel nut	Đồng - Brass
2	Nắp van - Bonnet	Đồng - Brass
3	Gioăng bi - Seats	Tefon - PTFE
4	Thân-Body	Đồng - Brass
5	Bi - Ball	Đồng - Brass
6	Gioăng trục - O-Ring	Tefon - PTFE
7	Tay van - Butterfly handle	ABS
8	Ốc tay van - Wheel nut	SuS Stainless steel
9	Đệm vênh -Spring washers	SuS Stainless steel
10	Trục - Stem	Đồng - Brass
11	Ốc áp lực - Nut	Đồng - Brass
12	Vòng hãm - Ring-pin	SuS Stainless steel
13		Cao su - NBR

**VINA VALVES****VVN VINA VALVES JOINT STOCK COMPANY**

Address: Tan Quang Industrial Zone, Van Lam Dist, Hung Yen Province, Vietnam

Tel : +84 221 3791068 | Web: vanvina.vn | Email: contact@vanvina.vn

VAN GÓC ĐỒNG 1 CHIỀU LẮP TRƯỚC ĐỒNG HỒ VVN BRASS ANGLE VALVE WITH CHECK VALVE, CONNECT BEFORE WATER METER, VVN BRAND



CHẤT LIỆU | MATERIAL

No	BỘ PHẬN PARTS	CHẤT LIỆU MATERIAL
1	Đai ốc 1 - Wheel nut 1	Đồng - Brass
2	Nắp - Bonnet	Đồng - Brass
3	Gioăng bi - Seats	Teflon - PTFE
4	Thân - Body	Đồng - Brass
5	Bi - Ball	Đồng - Brass
6	Gioăng trục - O-Ring	Teflon - PTFE
7	Tay van - Butterfly handle	ABS
8	Ốc tay van - Wheel nut	SuS Stainless steel
9	Đệm vênh-Spring washers	SuS Stainless steel
10	Trục - Stem	Đồng - Brass
11	Ốc áp lực - Nut	Đồng - Brass
12	Đệm đĩa - Disk washer	Đồng - Brass
13	Gioăng đĩa	Cao su - NBR
14	Lò xo - Spring	SuS Stainless steel
15	Đĩa - Disc	Đồng - Brass
16	Vòng hãm - Ring-pin	SuS 304- Stainless steel
17	Gioăng đệm - O-Ring	Cao su - NBR

ĐẶC ĐIỂM KỸ THUẬT | SPECIFICATION

Van chuyên dùng để lắp cho đồng hồ đo nước.
Valves used for water meters.
Van đóng mở bằng bi, lỗ to, nổi ren.
Close and Open by ball, full bore, Screwed ends
Tay van màu xanh- Blue colour butterfly handle
Đường ren tiêu chuẩn BS 21 / ISO 228-1-2000,
BS 21 / ISO 7-1-1994
BS 21 / ISO 228-1-2000, BS 21 / ISO 7-1-1994
Threads standard .

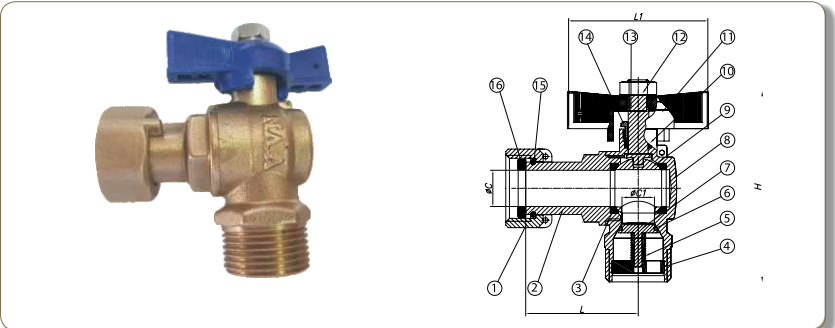
Áp lực làm việc Max. 16 Bar ~ 16 Kg/cm²
Max. working pressure. 16 Bar

Nhiệt độ làm việc Max. 90°C
Max. working temperature: 90°C

THÔNG SỐ KỸ THUẬT | DIMENSION

Cỡ van	inch	1/2"
Valve size	mm	15
ØC (mm)	14.5	
ØC1 (mm)	14	
L (mm)	46	
L1 (mm)	56	
H (mm)	78	
T.lượng-Weight (g)	274	
Cái/ hộp - Pcs/ box	10	

VAN GÓC ĐỒNG 1 CHIỀU LẮP SAU ĐỒNG HỒ VVN BRASS ANGLE VALVE WITH CHECK VALVE, CONNECT AFTER WATER METER, VVN BRAND



CHẤT LIỆU | MATERIAL

No	BỘ PHẬN PARTS	CHẤT LIỆU MATERIAL
1	Đai ốc 1 - Wheel nut 1	Đồng - Brass
2	Nối thân - Body	Đồng - Brass
3	Gioăng bi - Seats	Teflon - PTFE
4	Vòng định hướng	PVC
5	Lò xo - Spring	SuS Stainless steel
6	Gioăng đĩa - O-Ring	Cao su - NBR
7	Đĩa - Disc	Đồng - Brass
8	Thân - Body	Đồng - Brass
9	Bi - Ball	Đồng - Brass
10	Gioăng trục - O-Ring	Teflon - PTFE
11	Tay van - Butterfly handle	ABS
12	Ốc tay van - Wheel nut	SuS Stainless steel
13	Trục - Stem	Đồng - Brass
14	Ốc áp lực - Nut	Đồng - Brass
15	Vòng hãm - Ring-pin	SuS Stainless steel
16	Gioăng đệm - O-Ring	Cao su - NBR

ĐẶC ĐIỂM KỸ THUẬT | SPECIFICATION

Van chuyên dùng để lắp cho đồng hồ đo nước.
Valves used for water meters.
Van đóng mở bằng bi, lỗ to, nổi ren.
Close and Open by ball, full bore, Screwed ends
Tay van màu đỏ - Red colour butterfly handle
Đường ren tiêu chuẩn BS 21 / ISO 228-1-2000,
BS 21 / ISO 7-1-1994
BS 21 / ISO 228-1-2000, BS 21 / ISO 7-1-1994
Threads standard .

Áp lực làm việc Max. 16 Bar ~ 16 Kg/cm²
Max. working pressure. 16 Bar

Nhiệt độ làm việc Max. 90°C
Max. working temperature: 90°C

THÔNG SỐ KỸ THUẬT | DIMENSION

Cỡ van	inch	1/2"
Valve size	mm	15
ØC (mm)	14.5	
ØC1 (mm)	14	
L (mm)	45	
L1 (mm)	56	
H (mm)	76	
T.lượng-Weight (g)	258	
Cái/ hộp - Pcs/ box	10	

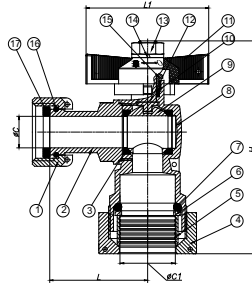


VINA VALVES

VVN VINA VALVES JOINT STOCK COMPANY

Address: Tan Quang Industrial Zone, Van Lam Dist, Hung Yen Province, Vietnam
Tel : +84 221 3791068 | Web: vanvina.vn | Email: contact@vanvina.vn

VAN GÓC ĐỒNG LIÊN HỢP VVN - BRASS COMBINATION ANGLE VALVE, VVN BRAND



CHẤT LIỆU | MATERIAL

No	BỘ PHẬN PARTS	CHẤT LIỆU MATERIAL
1	Đai ốc 1 - Wheel nut 1	Đồng - Brass
2	Nối thân - Body	Đồng - Brass
3	Gioăng bi - Seats	Tefon - PTFE
4	Đai ốc 2 - Wheel nut 2	Đồng - Brass
5	Vòng ôm ống - O-Ring	Đồng - Brass
6	Vòng đệm - Gland ring	Đồng - Brass
7	Gioăng - O-Ring	Cao su - NBR
8	Thân - Body	Đồng - Brass
9	Bi - Ball	Đồng - Brass
10	Gioăng trục - O-Ring	Tefon - PTFE
11	Tay van - Butterfly handle	ABS
12	Trục van - Stem	Đồng - Brass
13	Ốc tay - Wheel nut	SuS - Stainless steel
14	Ốc áp lực - Nut	Đồng - Brass
15	Vòng hãm - Ring-pin	SuS - Stainless steel
16	Gioăng đệm - O-Ring	Cao su - NBR

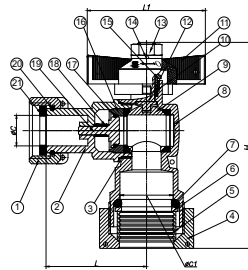
ĐẶC ĐIỂM KỸ THUẬT | SPECIFICATION

Van chuyên dùng để lắp cho đồng hồ đo nước.
Valves used for water meters.
Van đóng mở bằng bi, lỗ to, nổi ren.
Close and Open by ball, full bore, Screwed ends
Tay van màu đỏ, xanh - Red or Blue colour butterfly handle
Đường ren tiêu chuẩn BS 21 / ISO 228-1-2000
BS 21 / ISO 228-1-2000 Threads standard .
Áp lực làm việc Max. 16 Bar ~ 16 Kg/cm²
Max. working pressure. 16 Bar
Nhiệt độ làm việc Max. 90°C
Max. working temperature: 90°C

THÔNG SỐ KỸ THUẬT | DIMENSION

Cỡ van Valve size	inch mm	1/2" 15
ØC (mm)		14.5
ØC1 (mm)		25.5
L (mm)		45
L1 (mm)		56
H (mm)		95.5
T.lượng-Weight (g)		341
Cái/ hộp - Pcs/ box		10

VAN GÓC ĐỒNG LIÊN HỢP 1 CHIỀU VVN - BRASS COMBINATION ANGLE VALVE WITH CHECK VALVE, VVN BRAND



ĐẶC ĐIỂM KỸ THUẬT | SPECIFICATION

Van chuyên dùng để lắp cho đồng hồ đo nước.
Valves used for water meters.
Van đóng mở bằng bi, lỗ to, nổi ren.
Close and Open by ball, full bore, Screwed ends
Tay van màu đỏ - Red colour butterfly handle
Đường ren tiêu chuẩn BS 21 / ISO 228-1-2000
BS 21 / ISO 228-1-2000 Threads standard .
Áp lực làm việc Max. 16 Bar ~ 16 Kg/cm²
Max. working pressure. 16 Bar
Nhiệt độ làm việc Max. 90°C
Max. working temperature: 90°C

CHẤT LIỆU | MATERIAL

No	BỘ PHẬN PARTS	CHẤT LIỆU MATERIAL
1	Đai ốc 1 - Wheel nut 1	Đồng - Brass
2	Nối thân - Body	Đồng - Brass
3	Gioăng bi - Seats	Tefon - PTFE
4	Đai ốc 2 - Wheel nut 2	Đồng - Brass
5	Vòng ôm ống - O-Ring	Đồng - Brass
6	Vòng đệm - Gland ring	Đồng - Brass
7	Gioăng - O-Ring	Cao su - NBR
8	Thân - Body	Đồng - Brass
9	Bi - Ball	Đồng - Brass
10	Gioăng trục - O-Ring	Tefon - PTFE
11	Tay van - Butterfly handle	ABS

CHẤT LIỆU | MATERIAL

No	BỘ PHẬN PARTS	CHẤT LIỆU MATERIAL
12	Trục van - Stem	Đồng - Brass
13	Ốc tay - Wheel nut	SuS - Stainless steel
14	Đệm vênh	SuS - Stainless steel
15	Ốc áp lực - Nut	Đồng - Brass
16	Đệm đĩa - Disk	Đồng - Brass
17	Gioăng đĩa - O-Ring	Cao su - NBR
18	Lò xo - Spring	Inox - Stainless steel
19	Đĩa - Disc	Đồng - Brass
20	Vòng hãm - Ring-pin	Inox - Stainless steel
21	Gioăng đệm - O-Ring	Cao su - NBR

THÔNG SỐ KỸ THUẬT | DIMENSION

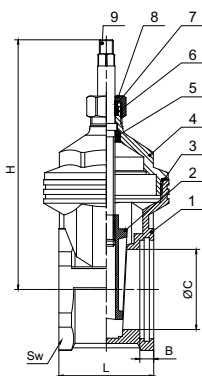
Cỡ van Valve size	inch mm	1/2" 15
ØC (mm)		14.5
ØC1 (mm)		25.5
L (mm)		45
L1 (mm)		56
H (mm)		109
T.lượng-Weight (g)		350
Cái/ hộp - Pcs/ box		10



VINA VALVES

VVN VINA VALVES JOINT STOCK COMPANY

Address: Tan Quang Industrial Zone, Van Lam Dist, Hung Yen Province, Vietnam
Tel : +84 221 3791068 | Web: vanvina.vn | Email: contact@vanvina.vn

**ĐẶC ĐIỂM KỸ THUẬT** | SPECIFICATION

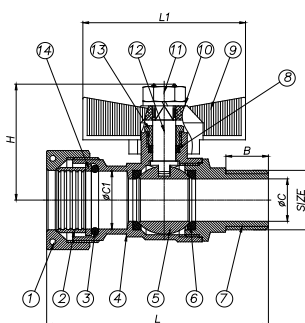
Van cửa ty chìm, nêm đặc | Non rising stem, Solid wedge
 Van dùng làm cốt ép van nhựa PPR
 Used for PPR Plastic gate valve compressed.
 Áp lực làm việc Max. 10 Bar ~ 10 Kg/cm²
 Max. working pressure. 10 Bar
 Nhiệt độ làm việc Max. 90°C
 Max. working temperature: 90°C

THÔNG SỐ KỸ THUẬT | DIMENSION

Cỡ Size	inch mm	1/2 20	3/4 25	1 32	1.1/4 40	1.1/2 50	2 63
Mã SP - code							
B (mm)	4	4.3	5	6	7	8	
ØC (mm)	14.5	19	24	30	36	46	
H (mm)	71.5	80	92	109	122.5	143	
L (mm)	27	30	34	41	47	54.5	
Sw (mm)	24	31	37	46	52	65	
T.Lượng-Weight (g)	170	234	332	526	690	1148	
Cái/hộp - Pcs/box							

CHẤT LIỆU | MATERIAL

No BỘ PHẬN PARTS	CHẤT LIỆU MATERIAL
1 Thân van - Body	Đồng - Brass
2 Đĩa van - Disc	Đồng - Brass
3 Gioăng thân - Gland packing	Tefon - PTFE
4 Nắp van - Bonnet	Đồng - Brass
5 Ốc đệm - Gland nut	Đồng - Brass
6 Vòng đệm - Gland ring	Đồng - Brass
7 Gioăng trục - O-Ring	Tefon - PTFE
8 Ốc áp lực - Lock nut	Đồng - Brass
9 Trục van - Stem	Đồng - Brass

VAN BI ĐỒNG LIÊN HỢP REN NGOÀI VVN - BRASS COMBINATION BALL VALVE, MALE / MALE, VVN BRAND**ĐẶC ĐIỂM KỸ THUẬT** | SPECIFICATION

Van đóng mở bằng bi, lỗ to, nối ren.
 Close and Open by ball, full bore, Screwed ends
 Van chuyên dùng cho nước sạch.
 Used for Water.
 Tay van màu đỏ
 Red colour butterfly handle
 Đường ren tiêu chuẩn BS 21 / ISO 7-1-1994
 BS 21 / ISO 7-1-1994 Threads standard .
 Áp lực làm việc Max. 16 Bar ~ 16 Kg/cm²
 Max. working pressure: 16 Bar
 Nhiệt độ làm việc Max. 120oc
 Max. working temperature: 120oc

CHẤT LIỆU | MATERIAL

No BỘ PHẬN PARTS	CHẤT LIỆU MATERIAL
1 Đai ốc 2 - Wheel nut 2	Đồng - Brass
2 Vòng ôm ống - Oring	Đồng - Brass
3 Gioăng ống mềm - Seats	Cao su - NBR
4 Thân - Body	Đồng - Brass
5 Bi - Ball	Đồng - Brass
6 Gioăng bi - Seats	Tefon - PTFE
7 Nắp - Bonnet	Đồng - Brass
8 Gioăng trục -O-Ring	Tefon - PTFE
9 Tay van - Butterfly handle	Nhựa ABS
10 Đệm vênh -Spring washers	SuS 304 - Stainless steel
11 Ốc tay - Wheel nut	SuS 304 - Stainless steel
12 Trục - Stem	Đồng - Brass
13 Ốc áp lực - Nut	Đồng - Brass
14 Vòng đệm - O-Ring	Đồng - Brass

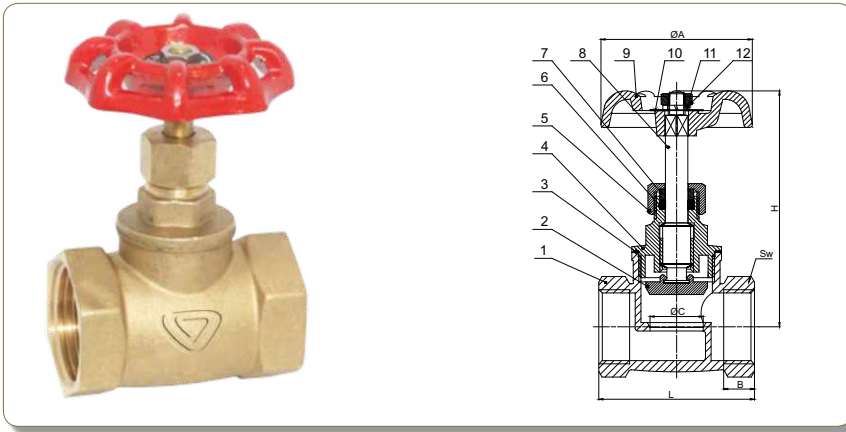
THÔNG SỐ KỸ THUẬT | DIMENSION

Cỡ van Valve size	inch mm	1/2 15	3/4 20
ØC (mm)	15	19	
ØC1 (mm)	20.5	25.5	
B (mm)	15	17	
L (mm)	68	80.3	
L1 (mm)	56.5	56.5	
H (mm)	43.5	46	
T.Lượng-Weight (g)	204	305	
Cái/ hộp - Pcs/ box	12	10	

**VINA VALVES**

VINA VALVES JOINT STOCK COMPANY

Address: Tan Quang Industrial Zone, Van Lam Dist, Hung Yen Province, Vietnam
 Tel : +84 221 3791068 | Web: vanvina.vn | Email: contact@vanvina.vn

**ĐẶC ĐIỂM KỸ THUẬT** | SPECIFICATION

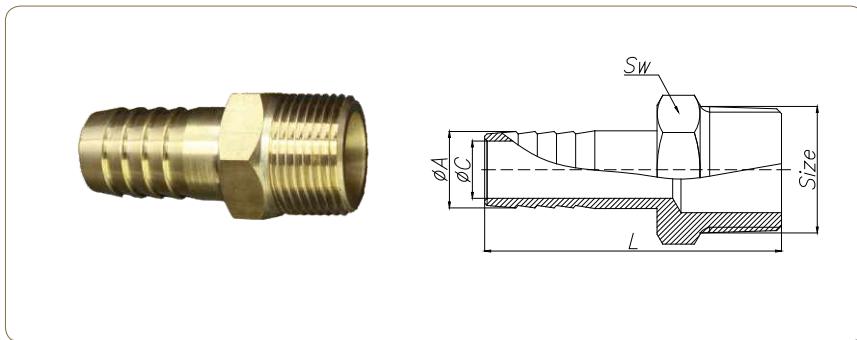
Van đóng mở bằng đĩa, lỗ to, nổi ren.
Close and Open by disc, full bore, Screwed ends
Van chuyên dùng cho hơi, gas.
Used for Steam, Gas.
Tay van màu đỏ
Red colour handle wheel.
Đường ren tiêu chuẩn BS 21 / ISO 228-1-2000
BS 21 / ISO 228-1-2000 Threads standard .
Áp lực làm việc Max. 16 Bar ~ 16 Kg/cm²
Max. working pressure: 16 Bar
Nhiệt độ làm việc Max. 120oc
Max. working temperature: 120oc

CHẤT LIỆU | MATERIAL

No BỘ PHẬN	PARTS	CHẤT LIỆU	MATERIAL
1	Thân van - Body	Đồng - Brass	
2	Đĩa van - Disc	Đồng - Brass	
3	Gioăng thân - Gland packing	Teflon - PTFE	
4	Nắp van - Bonnet	Đồng - Brass	
5	Ốc áp lực - Lock nut	Đồng - Brass	
6	Gioăng trục - O-Ring	Teflon - PTFE	
7	Đệm trục - Gland ring	Đồng - Brass	
8	Trục van - Stem	Đồng - Brass	
9	Tay van - Hand wheel	Gang - Cast iron	
10	Đệm nhãn hiệu - Name plate	Nhôm - Al	
11	Đệm vĩnh - Spring washers	Sus 304 - Stainless steel	
12	Ốc tay van - Wheel nut	Sus 304 - Stainless steel	

THÔNG SỐ KỸ THUẬT**| DIMENSION**

Cỡ van	inch	1/2	3/4	1	1.1/4	1.1/2	2
Valve size	mm	15	20	25	32	40	50
Mã SP - code							
ØA (mm)		54	54	60	71	71	77
B (mm)		10	12	13	13	15	17.5
ØC (mm)		13	19	19	27	31	45
H (mm)		77	80	80	115	125	133
L (mm)		46	57	60	69.5	77.5	97
SW (mm)		25	33	38	47	53	67
T.lượng-Weight (g)		260	375	472	770	1020	1580
Cái/ hộp - Pcs/ box		10	10	6	4	4	1

BỘ NỐI NHANH ỐNG MỀM REN CÔN NGOÀI -**SET OF QUICK CONNECT MALE THREADED****ĐẶC ĐIỂM KỸ THUẬT** | SPECIFICATION

Đường ren tiêu chuẩn BS21/ ISO 7-1-1994
BS21/ISO 7-1-2994 Threads standard .
Áp lực làm việc Max. 16 bar
Max. working pressure: 16 bar
Nhiệt độ làm việc Max. 90oc
Max. working temperature: 90oc

THÔNG SỐ KỸ THUẬT | DIMENSION

Cỡ	inch	R1/4 x Ø7	R1/4 x Ø9	R1/4 x Ø10.5	R1/4 x Ø12	R1/4 x Ø14	R3/8 x Ø7	R3/8 x Ø10.5	R3/8 x Ø12.7	R3/8 x Ø14	R3/8 x Ø16	R1/2 x Ø7	R1/2 x Ø8	R1/2 x Ø9	R1/2 x Ø10.5	R1/4 x Ø12	R1/4 x Ø14
Size	mm	8	8	8	8	8	10	10	10	10	10	15	15	15	15	15	15
Mã SP - code																	
ØA (mm)		7	9	10.5	12	14	7	10.5	12.7	14	16	7	8	9	10.5	12	14
C (mm)		4	5	7	7	7	4	7	8	10	11	4	5	5	7	8	10
L (mm)		38	41	41	41	41	42	45	45	45	45	47	47	47	50	50	50
Sw(mm)		14	14	14	14	14	17	17	17	17	17	22	22	22	22	22	22
T.lượng-Weight (g)						25			29		39			47	49	48	53
Cái/ hộp - Pcs/ box																	

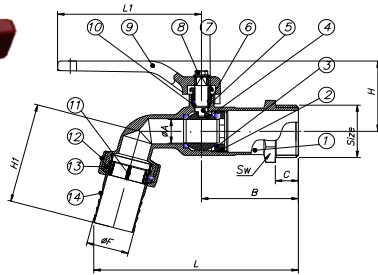
THÔNG SỐ KỸ THUẬT | DIMENSION

Cỡ	inch	R1/2 x Ø16	R1/2 x Ø17	R1/2 x Ø19	R1/2 x Ø21	R3/4 x Ø13.5	R3/4 x Ø16	R3/4 x Ø19	R3/4 x Ø21	R3/4 x Ø26	R3/4 x Ø27	R1 x Ø21	R1 x Ø26	R1 x Ø27	R1 x Ø34	R1.1/4 x Ø34	R1.1/2 x Ø40
Size	mm	15	15	15	15	20	20	20	20	20	20	25	25	25	25	32	40
Mã SP - code																	
ØA (mm)		16	17	19	21	13.5	16	19	21	26	27	21	26	27	34	34	40
C (mm)		12	12	14	14	8	12	13	15	19	20	14	19	20	26	26	30.5
L (mm)		50	50	50	50	62	62	62	62	62	62	73	73	73	82	82	92
Sw(mm)		22	22	22	22	27	27	27	27	27	28	35	35	35	46	46	50
T.lượng-Weight (g)		54	58	61	75	93	92	106	110	125	130	185	195	200	259	309	43.5
Cái/ hộp - Pcs/ box																	

**VINA VALVES**

VVN VINA VALVES JOINT STOCK COMPANY

Address: Tan Quang Industrial Zone, Van Lam Dist, Hung Yen Province, Vietnam
Tel : +84 221 3791068 | Web: vanvina.vn | Email: contact@vanvina.vn


THÔNG SỐ KỸ THUẬT | DIMENSION

Cỡ vòi	mm	1/2	3/4
Taps size	inch	15	20
Mã SP - code			
ØA (mm)	9	10	
B (mm)	39	45.3	
L (mm)	90	96	
L 1 (mm)	87.6	87	
C (mm)	11.5	12	
H (mm)	40	41.5	
H 1 (mm)	50	50.5	
SW (mm)	22	26.5	
ØF (mm)	15	20.5	
T.lượng-Weight (g)	197	235	
Cái/hộp - Pcs/box	10	10	

ĐẶC ĐIỂM KỸ THUẬT | SPECIFICATION

Vòi vườn đồng, nổi ren, mạ Niken hoặc không mạ Niken / Brass Garden taps, Screwed ends, With Nickel plated or without.
Dùng cho nước sạch / Used for Water.

Tay vòi màu đỏ, xanh.

Red or green colour lever handle

Đường ren tiêu chuẩn BS 21 / ISO 7-1-1994
BS 21 / ISO 7-1-1994 Threads standard .

Áp lực làm việc Max. 16 bar

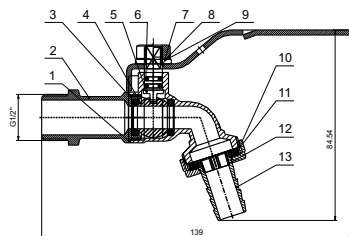
Max. working pressure: 16 bar

Nhiệt độ làm việc Max. 90oC

Max. working temperature: 90oC

CHẤT LIỆU | MATERIAL

No	BỘ PHẬN PARTS	CHẤT LIỆU MATERIAL
1	Thân vòi - Body	Đồng - Brass
2	Ốc đệm - Lock nut	Đồng - Brass
3	Gioăng bi - Seats	Tefon - PTFE
4	Bi - Ball	Đồng - Brass
5	Trục - Stem	Đồng - Brass
6	Gioăng trục - O-Ring	Tefon - PTFE
7	Ốc áp lực - Lock nut	Đồng - Brass
8	Vít bắt tay	SuS 304- Stainless steel
9	Tay gạt - lever handle	HK Nhôm - Aluminium
10	Đệm trục	Đồng - Brass
11	Chia nước	HDPE
12	Rắc co - Union	Đồng - Brass
13	Gioăng - O-Ring	Cao su - NBR
14	Nối ống mềm - Head connector	Đồng - Brass


ĐẶC ĐIỂM KỸ THUẬT | SPECIFICATION

Vòi vườn đồng, nổi ren, mạ Niken hoặc không mạ Niken / Brass Garden taps, Screwed ends, With Nickel plated or without.
Dùng cho nước sạch / Used for Water.

Tay vòi màu đỏ, xanh.

Red or green colour lever handle

Đường ren tiêu chuẩn BS 21 / ISO 7-1-1994
BS 21 / ISO 7-1-1994 Threads standard .

Áp lực làm việc Max. 16 bar

Max. working pressure: 16 bar

Nhiệt độ làm việc Max. 90oC

Max. working temperature: 90oC

THÔNG SỐ KỸ THUẬT | DIMENSION

Cỡ vòi	mm	1/2	3/4
Taps size	inch	15	20
Mã SP - code			
ØA (mm)	9	12	
C (mm)	10	10	
L (mm)	90	90	
B (mm)	40.2	45	
H (mm)	27	27	
H 1 (mm)	37	37	
SW (mm)	21	26.5	
ØF (mm)	15	15	
T.lượng-Weight (g)	123	153	
Cái/hộp - Pcs/box	10	10	

CHẤT LIỆU | MATERIAL

No	BỘ PHẬN PARTS	CHẤT LIỆU MATERIAL
1	Thân vòi - Body	Đồng - Brass
2	Nắp vòi - Bonnet	Đồng - Brass
3	Gioăng bi - Seats	Tefon - PTFE
4	Bi - Ball	Gang - Cast iron
5	Gioăng trục - O-Ring	Cao su - NBR
6	Trục - Stem	Đồng - Brass
7	Ốc tay - Wheel nut	Sus 201 - Stainless steel
8	Tay gạt - lever handle	Inox 201
9	Chia nước	HDPE
10	Gioăng đầu vòi - O-ring	Cao su - NBR
11	Đầu vòi	Đồng - Brass


VINA VALVES
VVN VINA VALVES JOINT STOCK COMPANY

Address: Tan Quang Industrial Zone, Van Lam Dist, Hung Yen Province, Vietnam

Tel : +84 221 3791068 | Web: vanvina.vn | Email: contact@vavina.vn